TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **321**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2026 về việc: "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1946; CCCD số 035146000428 do Cục C về TTXH cấp ngày 25/04/2021;

* Người yêu cầu: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1948; CCCD số 001048004919 do Cục C về TTXH cấp ngày 25/04/2021

Cùng nơi cư trú: E Hồ N, phường H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 27/12/1973 trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban hành chính khu H, thành phố Hà Nội (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội) trong (Trích lục kết hôn số 1959 ngày 15/10/2025).

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1983 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, quan hệ vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân với nhau. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức

xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được công nhận.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Phạm Thu H1, sinh ngày 13/9/1976 và cháu Phạm Quang H2, sinh ngày 02/04/1975. Hiện anh Phạm Thu H1 và chị Phạm Quang H2 đã trên 18 tuổi và trưởng thành nên ông bà không đề nghị Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nhà, đất ở chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về tình cảm:* Bà Phạm Thị H3 và ông Phạm Ngọc T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông bà có 02 con chung là chị Phạm Thu H1, sinh ngày 13/9/1976 và anh Phạm Quang H2, sinh ngày 02/04/1975. Hiện chị Phạm Thu H1 và anh Phạm Quang H2 đã trên 18 tuổi và trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung; nhà, đất ở chung:* Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 - Hà Nội;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 1 - Hà Nội;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tô Việt Anh